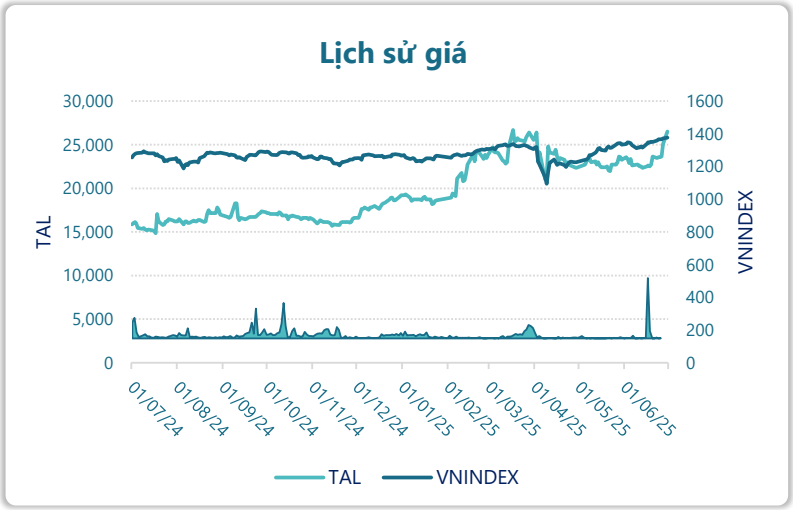
FireAnt

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (HSX: TAL)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,678
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,848
SL cổ phiếu LH	311,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	121,490
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,732
P/E	12.3
EPS	2,273

DT thuần

Q2/25

557

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 181| 48.1%

YoY: ▼73.0| -11.6%

LN sau thuế

Q2/25

38.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0| 71.8%

YoY: ▲ 31.4| 453%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

19.4%

+/- YoY: ▲ 6.9%

DT thuần

6T 2025

933

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.00| -0.6%

LN sau thuế

6T 2025

60.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 43.5| 254%

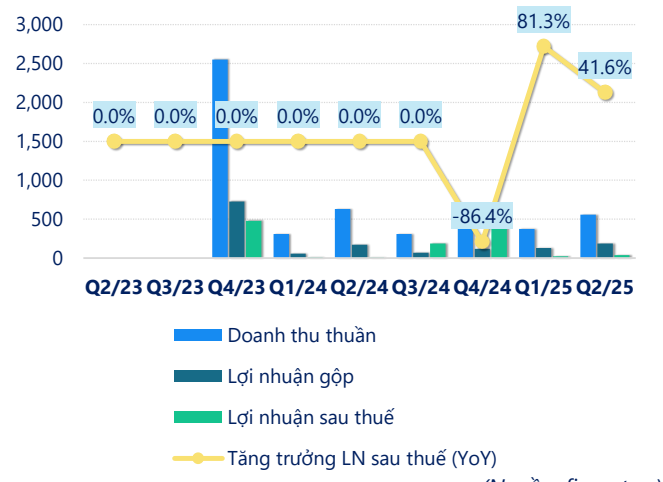
ROE

Q2/25

17.1%

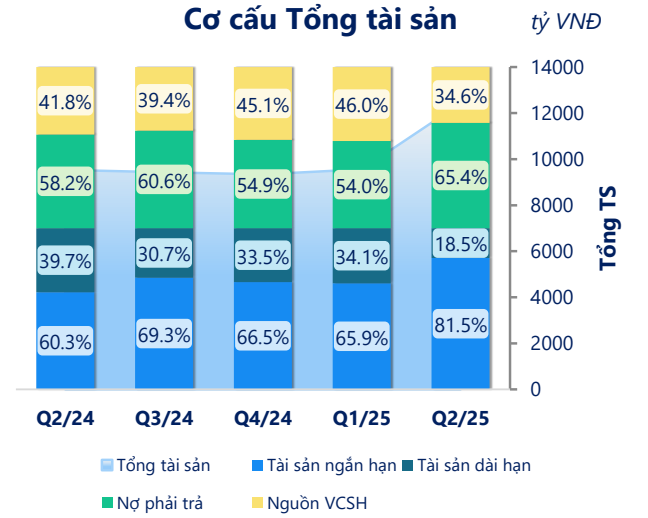
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



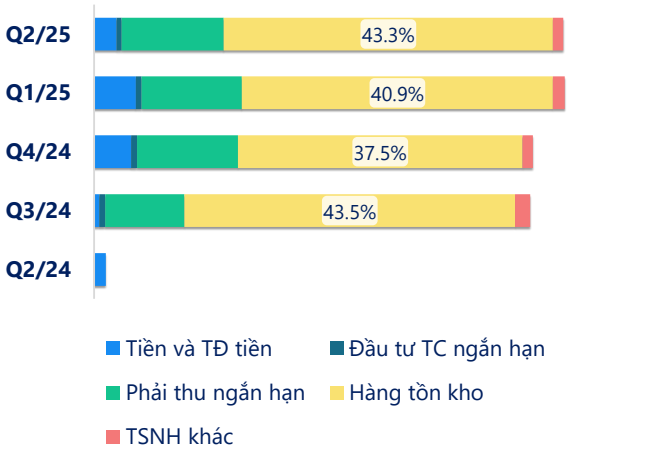
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



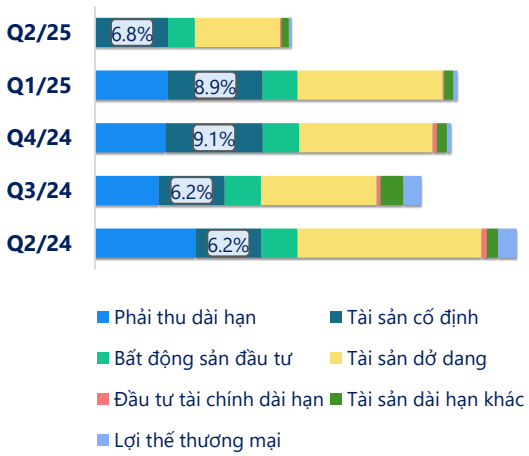
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



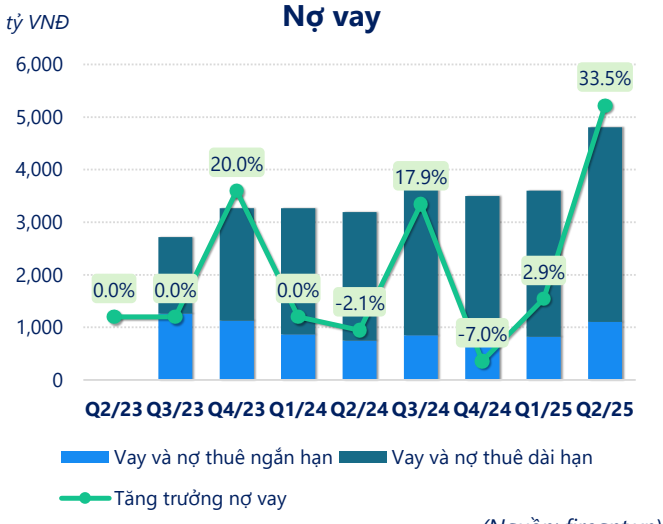
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



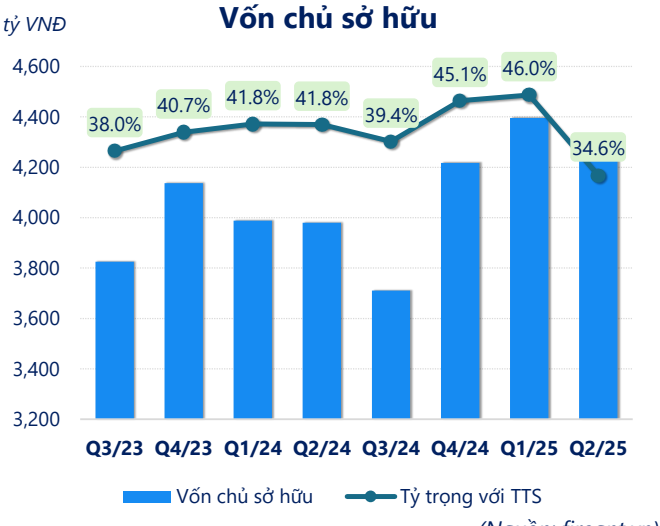
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



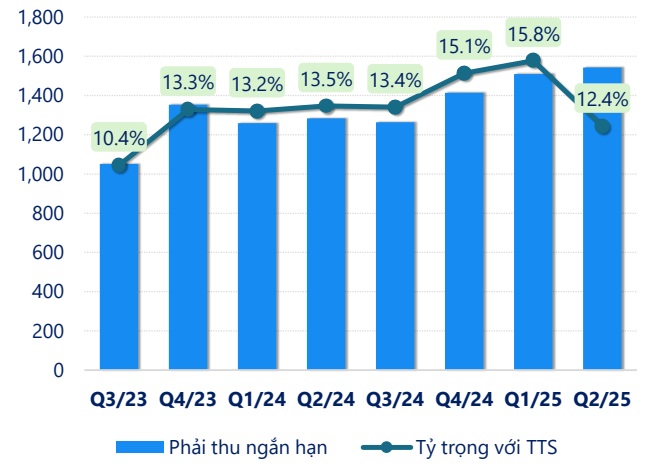
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



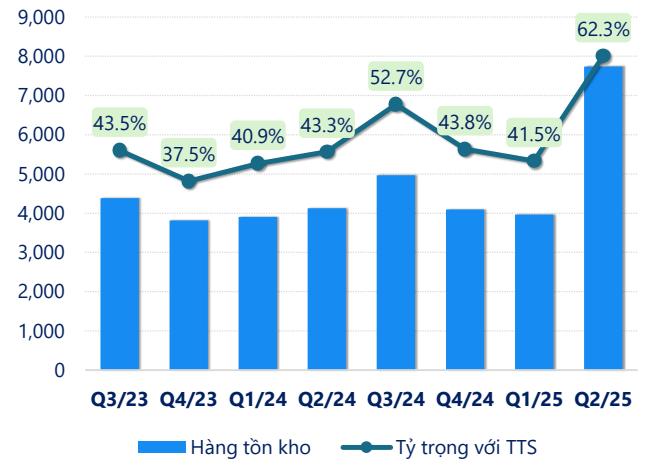
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



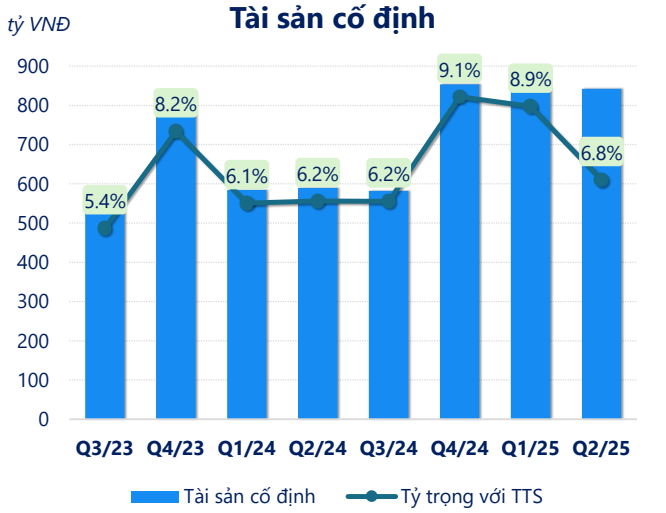
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



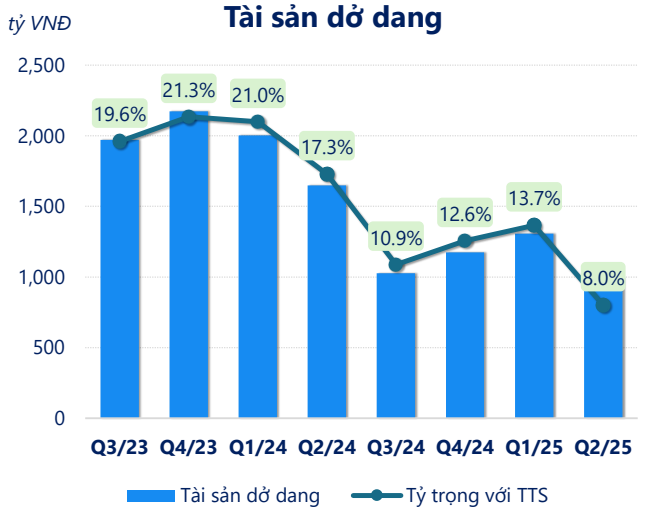
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



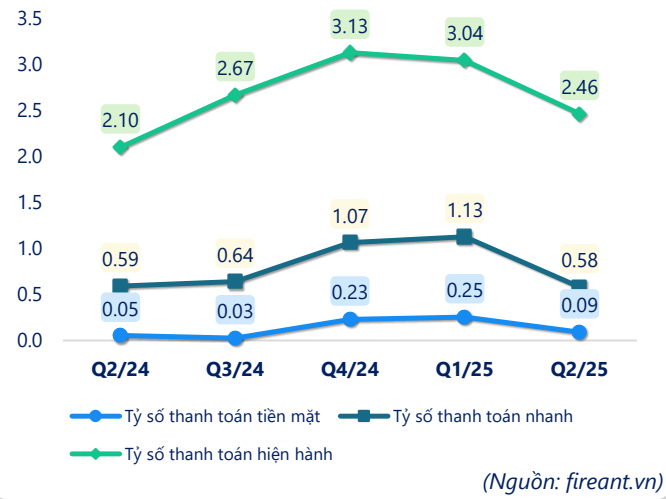
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



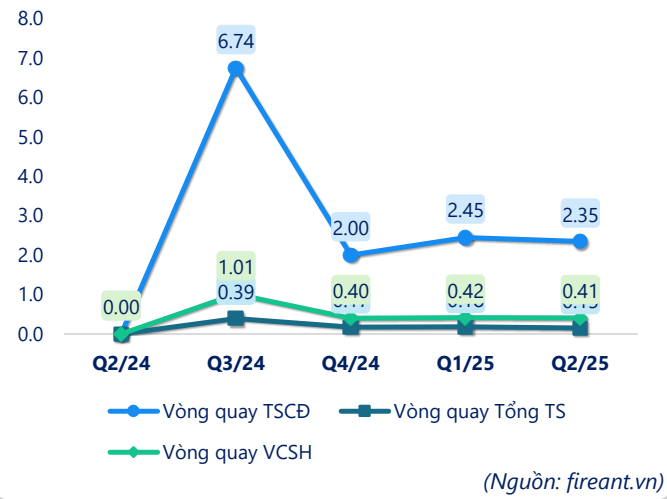
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**9,530**	**9,426**	**9,344**	**9,565**	**12,423**
Tài sản ngắn hạn	**5,750**	**6,531**	**6,213**	**6,302**	**10,122**
Tiền và tương đương tiền	146	63.8	456	526	368
Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.8	117	117	153	334
Phải thu ngắn hạn	1,284	1,264	1,414	1,509	1,543
Hàng tồn kho	4,129	4,964	4,097	3,968	7,736
Tài sản ngắn hạn khác	129	122	129	145	141
Tài sản dài hạn	**3,780**	**2,895**	**3,131**	**3,263**	**2,301**
Phải thu dài hạn	901	566	620	658	12.2
Tài sản cố định	589	582	854	847	842
Bất động sản đầu tư	325	322	319	316	313
Tài sản dở dang	1,648	1,026	1,174	1,307	996
Đầu tư tài chính dài hạn	48.4	36.4	36.5	13.3	14.1
Tài sản dài hạn khác	102	201	88.8	82.9	87.4
Lợi thế thương mại	167	162	39.7	38.2	36.5
Nợ phải trả	**5,550**	**5,715**	**5,127**	**5,170**	**8,129**
Nợ ngắn hạn	**2,738**	**2,447**	**1,986**	**2,070**	**4,107**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	745	847	767	821	1,106
Phải trả người bán ngắn hạn	391	376	408	372	372
Nợ dài hạn	2,812	3,268	3,141	3,100	4,022
Vay và nợ thuê dài hạn	2,449	2,918	2,733	2,778	3,700
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,980**	**3,711**	**4,217**	**4,395**	**4,294**
Vốn chủ sở hữu	**3,980**	**3,711**	**4,217**	**4,395**	**4,294**
Vốn điều lệ	2,970	2,970	2,970	3,119	3,119
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)